

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2010/QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 31 tháng 12 năm 2010

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức trợ cấp, trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội  
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004.

Căn cứ Nghị định số: 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số: 24/2010/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2010 của liên Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội và Tài chính, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số: 13/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số: 163/2009/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2009 của HĐND tỉnh Điện Biên, về việc Điều chỉnh thời gian và mức trợ cấp nuôi dưỡng, sinh hoạt phí cho đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số: 1594/TTr-SLĐTBXH ngày 07 tháng 12 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức trợ giúp, trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

1. Trợ cấp thường xuyên:

a) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội sống tại xã, phường, thị trấn quản lý như Phụ lục số 1 kèm theo.

b) Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng và hỗ trợ sinh hoạt phí cho các đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh như Phụ lục 2 kèm theo.

c) Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng các mức khác nhau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. Đối với người đơn thân quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP đang hưởng trợ cấp xã hội theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP và đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 4 Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP thì vẫn được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP.

d) Các đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này; trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi được gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP và trẻ em là con của người đơn thân quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP còn được hưởng thêm các khoản trợ giúp sau:

- Cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Các đối tượng đang học văn hóa, học nghề được miễn, giảm học phí, được cấp sách, vở đồ dùng học tập theo quy định của pháp luật.

- Khi chết được hỗ trợ mai táng phí mức 3.000.000 đồng. Đối với trường hợp đối tượng thuộc diện được hỗ trợ các mức mai táng phí khác nhau thì chỉ được hỗ trợ một mức mai táng phí cao nhất.

- Riêng người nhiễm HIV/AIDS được nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Nhà nước quản lý, ngoài các khoản trợ giúp trên còn được hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội mức 250.000 đồng/người/năm.

## 2. Chế độ trợ cấp đột xuất:

Trợ cấp đột xuất cho các đối tượng là cá nhân và hộ gia đình gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra.

### a) Đối với hộ gia đình:

- Có người chết, mất tích: 4.500.000 đồng/người.

- Có người bị thương nặng: 1.500.000 đồng/người.

- Có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng: 6.000.000 đồng/hộ.

- Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét: 6.000.000 đồng/hộ.

- Hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng và hộ gia đình phải di dời khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét sống ở vùng khó khăn thuộc danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ quy định, mức hỗ trợ: 7.000.000 đồng/hộ.

### b) Cá nhân:

- Trợ giúp cứu đói: 15 kg gạo/người/tháng, trong thời gian từ 1 đến 3 tháng.
- Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc: 1.500.000 đồng/người.
- Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đón về nơi cư trú: 15.000 đồng/người/ngày nhưng không quá 30 ngày. Trường hợp đặc biệt cần phải kéo dài thì thời gian được hưởng trợ cấp tối đa không quá 90 ngày và mức trợ cấp bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng tại cơ sở bảo trợ xã hội.

c) Đối với người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị chết, gia đình không biết để mai táng, được UBND cấp xã, bệnh viện, cơ quan, đơn vị tổ chức mai táng thì các cơ quan, đơn vị đứng ra mai táng được hỗ trợ kinh phí mai táng, bằng 4.500.000 đồng/người.

### **Điều 2.** Thời gian hưởng chế độ trợ cấp

1. Đối tượng đang hưởng chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội theo Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ từ ngày 31/12/2009 trở về trước thì chuyển sang hưởng chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội theo quy định tại Quyết định này kể từ ngày 01/01/2010.

2. Đối tượng có quyết định hưởng trợ cấp, trợ giúp xã hội từ ngày 01/01/2010 trở về sau thì được hưởng trợ cấp, trợ giúp xã hội theo Quyết định này. Trường hợp là đối tượng mới thực hiện hưởng chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội thì được hưởng từ ngày ghi trong Quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố.

### **Điều 3.** Nguồn kinh phí đảm bảo

1. Kinh phí chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên, đột xuất cho các đối tượng bảo trợ xã hội do xã, phường quản lý và cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách cấp huyện.

2. Kinh phí chi trả trợ cấp thường xuyên, đột xuất và sinh hoạt phí cho các đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội thuộc ngân sách tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm.

3. Nguồn kinh phí để thực hiện cứu trợ đột xuất, gồm: ngân sách hỗ trợ của trung ương, ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện) và các nguồn kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác.

**Điều 4.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn triển khai và kiểm tra, giám sát các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm cân đối ngân sách, thực hiện chi trợ cấp đúng đối tượng, đúng chế độ, đúng thời gian và quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số: 09/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh về điều chỉnh thời gian và mức trợ cấp nuôi dưỡng, sinh hoạt phí cho đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Xuân Kôi**

**Phụ lục 1****MỨC TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG  
BẢO TRỢ XÃ HỘI SỐNG TẠI CỘNG ĐỒNG DO XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN QUẢN LÝ**

*(Kèm theo Quyết định số: 32/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

<b>TT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Hệ số</b>	<b>Mức trợ cấp</b>
1	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	- Từ 18 tháng tuổi trở lên;	1,0	180
	- Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	1,5	270
	- Dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật nặng; bị nhiễm HIV/AIDS.	2,0	360
2	Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	- Dưới 85 tuổi;	1,0	180
	- Dưới 85 tuổi bị tàn tật nặng;	1,5	270
	- Từ 85 tuổi trở lên;	1,5	270
	- Từ 85 tuổi trở lên bị tàn tật nặng.	2,0	360
3	Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.	1,0	180
4	Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP:		
	- Không có khả năng lao động;	1,0	180
	- Không có khả năng tự phục vụ.	2,0	360
5	Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP.	1,5	270
6	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.	1,5	270

7	Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP (mức trợ cấp tính theo số trẻ nhận nuôi dưỡng):		
	- Nhận nuôi dưỡng trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên;	2,0	360
	- Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi; trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	2,5	450
	- Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.	3,0	540
8	Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 3 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP:		
	- Có 2 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần;	2,0	360
	- Có 3 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần;	3,0	540
	- Có từ 4 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần trở lên.	4,0	720
9	Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	- Đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên;	1,0	180
	- Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	1,5	270
	- Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.	2,0	360

**Phụ lục 2****MỨC TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG VÀ SINH HOẠT PHÍ  
ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG NUÔI DƯỠNG TẠI  
TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số: 32/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Ủy ban Nhân dân tỉnh)*

**1. Thời gian trợ cấp nuôi dưỡng:**

Từ khi tiếp nhận các đối tượng vào Trung tâm đến khi 16 tuổi. Trường hợp đi học văn hóa, học các trường chuyên nghiệp và dạy nghề trong và ngoài tỉnh được tiếp tục trợ cấp nuôi dưỡng và sinh hoạt phí hàng tháng đến khi tốt nghiệp.

2. Mức trợ cấp nuôi dưỡng thường xuyên và hỗ trợ sinh hoạt phí cho đối tượng để mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt đời sống thường ngày; mua thẻ BHYT, thuốc chữa bệnh thông thường; vệ sinh cá nhân hàng tháng (đối với đối tượng nữ) được tính bằng phần trăm (%) mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định, cụ thể:

**a. Đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội**

- Mức trợ cấp nuôi dưỡng thường xuyên bằng 80% mức lương tối thiểu/người/tháng.

- Hỗ trợ sinh hoạt phí bằng 30% mức lương tối thiểu/người/tháng

**b. Đối tượng được đi học tại các trường chuyên nghiệp và dạy nghề**

- Mức trợ cấp nuôi dưỡng thường xuyên bằng 80% mức lương tối thiểu/người/tháng.

- Hỗ trợ sinh hoạt phí bằng 50% mức lương tối thiểu/người/tháng.